

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Thành Thông

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thôi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ám – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc P, sinh năm 1986, (có mặt)

Địa chỉ: F ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2- Bị đơn: Ông Hồ Hoàng T, sinh năm 1987, (vắng mặt)

Địa chỉ: A Đ, khu phố A, Phường E (nay là phường A), thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2025, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc P trình bày:

Bà và ông Hồ Hoàng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 11/11/2010. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2021, nguyên nhân do vợ chồng thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T không lo cho gia đình, không quan tâm đến vợ con, bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T vẫn không khắc phục, bà và ông T đã không còn sống chung từ tháng 10/2021 đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hồ Hoàng Như Ý, sinh ngày 20/01/2012 và Hồ Nguyễn Thanh B, sinh ngày 18/12/2021, hiện tại 02 con chung đang sống với bà P; bà P yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Hồ Hoàng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đề tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T không đến Tòa án nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là không chấp hành đúng quy định.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc P; về con chung: giao cháu Hồ Hoàng Như Ý, sinh ngày 20/01/2012 và Hồ Nguyễn Thanh B, sinh ngày 18/12/2021 cho bà P nuôi dưỡng, ghi nhận bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Trúc P yêu cầu ly hôn với ông Hồ Hoàng T, yêu cầu được nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; ông T có nơi cư trú tại A Đ, khu phố A, Phường E (nay là phường A), thành phố B, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc P và ông Hồ Hoàng T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre vào năm 2010 nên hôn nhân của bà P và ông T là hợp pháp. Bà P cho rằng, trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T không lo cho gia đình, không quan tâm đến bà P. Vụ việc đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành, đồng thời ông T cũng

không đến Tòa để cùng hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông T thực tế có xảy ra và đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà P và ông T có 02 con chung tên Hồ Hoàng Như Ý, sinh ngày 20/01/2012 và Hồ Nguyễn Thanh B, sinh ngày 18/12/2021, bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu Như Ý và cháu Thanh B đang sống chung với bà P và cháu Như Ý cũng có nguyện vọng sống với mẹ nên việc giao 02 con chung cho bà P là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố B tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà P phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Trúc P đối với ông Hồ Hoàng T. Bà Nguyễn Thị Trúc P được ly hôn với ông Hồ Hoàng T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Trúc P và ông Hồ Hoàng T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2- Về con chung: Có 02 con chung tên Hồ Hoàng Như Ý, sinh ngày 20/01/2012 và Hồ Nguyễn Thanh B, sinh ngày 18/12/2021, giao 02 con chung cho bà Nguyễn Thị Trúc P tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hồ Hoàng T được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết hai bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3- Về tài sản chung, nợ chung: Bà P khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4- Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Trúc P phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà P đã nộp theo biên lai thu số 0007929 ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà P đã nộp xong án phí.

5- Bà Nguyễn Thị Trúc P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hồ Hoàng T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS TP B (1b);
- UBND xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu HS, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thi